



Kinh tế trang trại, “lực lượng đột phá” thúc đẩy phát triển nông nghiệp Việt Nam theo hướng bền vững



PGS.TS. ĐÌNH PHI HỒ

P.Tổng biên tập

Tạp chí *Phát triển kinh tế*

Mặc dù Đảng và Nhà nước ta đã có chủ trương về phát triển kinh tế trang trại (KTTT), song, trên thực tế vẫn còn tồn tại những bất cập như: cơ chế quản lý, môi trường pháp lý, chất lượng sản phẩm, trình độ công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực, hệ thống cơ sở hạ tầng v.v.. Tuy nhiên, cản trở lớn nhất cho phát triển KTTT ở VN hiện nay lại là sự nhận thức còn khác nhau về vai trò của phát triển trang trại đối với phát triển nông nghiệp trong thời kỳ hội nhập. Nội dung bài viết này tập trung vào 3 vấn đề chính: (1) Vai trò của KTTT đối với phát triển nông nghiệp bền vững; (2) nhận thức đúng về phát triển trang trại; và (3) gợi ý chính sách cần tập trung nhằm phát huy vai trò KTTT.

1. Vai trò của KTTT đối với phát triển nông nghiệp bền vững

Phát triển nông nghiệp bền vững là mô hình phát triển mà đáp ứng được yêu cầu tăng

trường chung của nền kinh tế nhưng không làm suy thoái môi trường tự nhiên và con người, đồng thời đảm bảo được sinh kế bền vững trên mức nghèo đói cho người dân nông thôn. Do đó, vai trò của KTTT đối với phát triển nông nghiệp bền vững trong hội nhập cũng thể hiện trên 3 khía cạnh: (1) Đóng góp vào tăng trưởng nông nghiệp và nâng cao sức cạnh tranh; (2) tác động đến môi trường tự nhiên và cân bằng sinh thái; (3) giải quyết việc làm và tạo thu nhập bền vững cho nông dân vùng nông thôn.

1.1. Đóng góp vào tăng trưởng nông nghiệp

So với kinh tế hộ, KTTT (KTTT) đẩy nhanh quá trình tích lũy vốn đầu tư vào phát triển nông nghiệp. Hơn nữa, sản xuất của trang trại hiệu quả hơn nhiều so với nông hộ, do đó lợi nhuận được nhanh chóng mở rộng. Kinh nghiệm trên thế giới cho thấy trong giai đoạn đang phát triển khi mà lợi thế về quy mô lớn đang phát huy hiệu quả, nhà sản xuất sẽ huy động tối đa lợi nhuận thu được để đầu tư vào mở rộng sản xuất. Như vậy, mở rộng

quy mô vốn trong nông nghiệp sẽ thực hiện một cách nhanh chóng từ KTTT.

Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm vốn sản xuất của trang trại trong 5 năm qua là 13,8%. Đến năm 2007 [1], tổng vốn sản xuất của hệ thống trang trại là 29.320,1 tỷ đồng, vốn sản xuất bình quân một trang trại là 257,8 triệu đồng, nhiều tỉnh ở phía Nam (Lâm Đồng, Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu) có quy mô vốn bình quân trên 500 triệu đồng/trang trại. Lợi nhuận bình quân chung đạt 413 triệu/trang trại, cao gấp 15 lần so với mức lợi nhuận bình quân của nông hộ. Nguồn vốn đầu tư của các trang trại thông thường có trên 85% là vốn tự có, một phần huy động từ người thân và một phần rất nhỏ từ tín dụng nhà nước. Điều này cho thấy, nguồn vốn hình thành để mở rộng là từ lợi nhuận của chủ trang trại.

Trong điều kiện hiện nay, sự gia tăng sản lượng nông nghiệp phụ thuộc chủ yếu vào sự gia tăng quy mô vốn sản xuất. Do đó, phát triển KTTT sẽ góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng nông nghiệp.



Cho đến nay, nền nông nghiệp VN phát triển trên nền tảng kinh tế nông hộ. Trong thời gian qua, nông hộ đóng góp quan trọng những nguồn lực vốn, đất, lao động và kinh nghiệm phục vụ cho việc mở rộng sản lượng nông nghiệp đáp ứng được nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Tuy nhiên, hiện nay khi mà cung nông sản hướng tới đáp ứng cầu của thị trường thế giới thì kinh tế nông hộ bộc lộ một số hạn chế:

(1) Bất lợi về quy mô sản xuất.

Quy mô sản xuất của nông hộ là quy mô nhỏ. Quy mô các yếu tố sản xuất như diện tích đất, vốn sản xuất, lao động, máy móc trang bị đều rất nhỏ so với quy mô của trang trại. Bất lợi của quy mô nhỏ chính là không khai thác được hiệu quả sản xuất theo quy mô (Economics of Scale). Với quy mô các yếu tố đầu vào lớn, chi phí sản xuất sẽ giảm nhanh bởi quy mô sản lượng tăng. Chi phí là yếu tố quyết định của cạnh tranh sản phẩm. Do đó, nông sản VN sẽ không có đủ sức mạnh cạnh tranh với các nước trong khu vực và các nước phát triển.

(2) Bất lợi về tỷ suất hàng hóa, đồng nhất chất lượng sản phẩm và thương hiệu của sản phẩm.

Kinh tế nông hộ với hàng triệu hộ nông dân có quy mô sản xuất nhỏ phân tán trong không gian rộng lớn của sản xuất nông nghiệp sẽ khó mà thực hiện chuyên môn hóa sản xuất, tạo ra sự đồng nhất về chất lượng sản phẩm và không thể có thương hiệu sản phẩm riêng cho từng nông hộ được trong khi yêu cầu của thị trường thế giới lại đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn vệ sinh thực

phẩm và nguồn gốc uy tín của nhà sản xuất. Do đó, nông dân VN sẽ gặp khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm trên thị trường thế giới.

(3) Bất lợi về ứng dụng các công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp.

Quy mô nhỏ của diện tích đất và vốn sản xuất sẽ là trở ngại cho việc áp dụng các công nghệ mới (như: cơ giới, thâm canh gắn bảo vệ môi trường). Do đó, nông dân sẽ gặp khó khăn trong việc duy trì bền vững sức mạnh cạnh tranh của mình so với nông dân các nước khác.

(4) Bất lợi về nâng cao năng suất lao động.

Năng suất lao động nông nghiệp VN còn rất thấp so với các nước trong khu vực.

Trong năm 2007 [2], năng suất lao động nông nghiệp VN chỉ bằng 29% Thái Lan, 64% Indonesia, 44% Philippines, và 11% Malaysia. VN hoàn toàn chịu bất lợi do năng suất lao động nông nghiệp còn quá thấp so với các nước trong khu vực.

Năng suất lao động phụ thuộc chủ yếu vào 2 yếu tố: Năng suất đất (giá trị sản phẩm tính trên 1 ha) và quy mô đất (diện tích đất nông nghiệp tính trên 1 lao động).

Nhiều công trình nghiên cứu [3] ở VN trong những năm gần đây cho thấy rằng trang trại có lợi thế vượt trội về 2 yếu tố trên so với hộ nông dân (trang trại so với hộ, năng suất đất cao hơn 2,7 lần; quy mô đất cao hơn 3,7 lần). Với kinh tế hộ, năng suất lao động thấp sẽ làm chi phí sản xuất cao. Trong khi các nước trong khu vực và thế giới đang phát triển nông nghiệp trên nền

tăng trang trại, VN không đẩy nhanh phát triển KTTT sẽ gặp bất lợi trong cạnh tranh. Do đó, phát triển nông nghiệp với hình thức trang trại sẽ nâng cao năng lực cạnh tranh của nông nghiệp.

1.2. Phát triển KTTT và bảo vệ môi trường tự nhiên

Với quy mô lớn về vốn, diện tích, trình độ của chủ trang trại, trang trại có lợi thế trong việc ứng dụng nhanh các công nghệ sinh học mới, thâm dụng vốn nên vừa nâng cao năng suất cây trồng vật nuôi ngay trên một đơn vị diện tích (không cần mở rộng diện tích từ việc phá rừng) vừa gắn với sử dụng hợp lý các loại hóa chất (phân hóa học, thuốc trừ sâu dịch bệnh) không ảnh hưởng đến suy thoái tài nguyên đất và môi trường nước ở vùng nông thôn. Ngoài ra, KTTT được phát triển nhanh đối với những vùng có mật độ dân cư thấp như: ven biển, đồi núi, vùng sâu của đồng bằng... góp phần thay đổi nhanh chóng bộ mặt kinh tế-xã hội, tạo ra một môi trường tự nhiên trong lành, làm phong phú thêm cảnh quan thiên nhiên và cân bằng sinh thái. Hơn nữa thông qua các trang trại sẽ tác động dân cư nông thôn trong vùng quan tâm đến bảo vệ môi trường và gìn giữ nguồn tài nguyên thiên nhiên. Do đó, KTTT giữ vai trò quan trọng thực hiện phát triển nông nghiệp bền vững.

1.3. Giải quyết việc làm và tạo thu nhập bền vững cho nông dân vùng nông thôn

Với lợi thế về quy mô, hiệu quả cao trong sản xuất, khả năng ứng dụng nhanh các công nghệ mới vào sản xuất, năng lực cạnh tranh, trình độ quản lý và tổ chức sản xuất của chủ trang trại,



KTTT có khả năng phát triển bền vững trong điều kiện biến động lớn của rủi ro tự nhiên và cạnh tranh trong lộ trình thực hiện hội nhập quốc tế của WTO. Trên cơ sở mở rộng sản lượng hàng hóa bền vững, việc làm ở nông thôn được mở rộng và thu nhập cho người lao động ở vùng nông thôn cũng ở mức ổn định.

Trong 5 năm qua [3], số lao động làm việc thường xuyên tăng hơn 1,7 lần, trong đó, lao động của hộ chủ trang trại chiếm 73% tổng số lao động, còn lại là lao động thuê mướn. Do tính chất thời vụ của sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản nên ngoài lao động thuê mướn thường xuyên, các trang trại còn thuê mướn lao động thời vụ. Có khoảng 40% trong tổng số trang trại có thuê mướn lao động thời vụ, thời điểm cao nhất thuê mướn 20 lao động thời vụ. Thu nhập bình quân 1 lao động làm việc thường xuyên của trang trại là 17,5 triệu đồng/năm cao gấp trên 2 lần so lao động khu vực nông thôn.

2. Nhận thức một cách khoa học về phát triển kinh tế trang trại

Trong thời gian qua, gắn với quá trình phát triển KTTT, trên thực tiễn vẫn còn một câu hỏi đặt ra, đó là phát triển trang trại sẽ dẫn đến tích tụ sản xuất và nhiều nông dân sẽ phá sản và bán cùng hóa nông dân, bất bình đẳng sẽ xuất hiện ở nông thôn? Nếu nhận thức không đúng, trên hành động sẽ không ủng hộ sự phát triển kinh tế trại! Chúng ta không nên dựa vào những nhận định cảm tính để kết luận mà phải dựa vào những luận cứ khoa học để làm rõ vấn đề.

Lý thuyết Kuznets và Lewis về tăng trưởng kinh tế trước, phân

phối lại thu nhập sau (Growth First then Redistribution): Quá trình tăng trưởng kinh tế và sự bất bình đẳng trong phân phối thu nhập sẽ diễn biến theo hình chữ U ngược (lúc đầu tăng trưởng gắn với bất bình đẳng tăng, sau đó tăng trưởng vẫn tiếp tục nhưng bất bình đẳng giảm dần).

Kinh nghiệm của các nước XHCN về phân phối lại thu nhập



trước, tăng trưởng sau (Redistribute First then Grow): Thực hiện công bằng trong phân phối thu nhập trước rồi sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Lý thuyết World Bank về tăng trưởng đi đôi với phân phối lại thu nhập (Redistribution with Growth): Cùng lúc với tăng trưởng kinh tế, thực hiện phân phối lại nguồn lợi từ tăng trưởng cho người thu nhập thấp.

Mô hình “tăng trưởng kinh tế trước, phân phối lại thu nhập sau” có hạn chế ở chỗ tình trạng bất bình đẳng trong phân phối thu nhập sẽ kéo dài và phân hóa tăng cao nhưng đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.

Mô hình “phân phối lại thu

nhập trước, tăng trưởng sau” có ưu điểm nhanh chóng xóa bỏ tình trạng bất bình đẳng và phân hóa nhưng không đủ động lực để thúc đẩy tăng trưởng.

Với điều kiện ở VN, giải quyết quan hệ phát triển kinh tế trang trại và bất bình đẳng trong phân phối thu nhập ở nông thôn nên tham khảo mô hình World Bank. Điều này có nghĩa là đẩy nhanh phát triển KTTT nhằm đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, đồng thời với sự phát triển KTTT cũng quan tâm tới giải quyết hạn chế tình trạng phân hóa. Các chính sách phát triển cần tập trung vào sử dụng các nguồn lợi có được từ tăng trưởng (như: ngân sách chính phủ, nguồn vốn của ODA) đầu tư vào khu vực mà người nghèo nông thôn có thể thụ hưởng như: (1) cơ sở hạ tầng (như: điện, nước sạch, thông tin, đường xá...); (2) các ngành nghề phi nông nghiệp ở vùng nông thôn; (3) trung tâm huấn luyện, đào tạo nghề ở nông thôn; (4) các trường học, dịch vụ y tế cộng đồng.

Cần nhấn mạnh rằng trong quá trình phát triển KTTT tất yếu sẽ xuất hiện 2 dạng hộ nông dân có nguy cơ phá sản:

(1) Hộ nông dân có khả năng sản xuất nông nghiệp nhưng không đủ năng lực (vốn, đất, công nghệ).

(2) Hộ nông dân không có khả năng sản xuất nông nghiệp (không thiết tha với sản xuất, không biết tính toán hiệu quả).

Đối với những hộ không có khả năng sản xuất nông nghiệp cần được chuyển dịch ra khỏi khu vực nông nghiệp sang ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn. Trong điều kiện mới hiện nay, các khu công nghiệp đã lần lượt hình thành trên các tỉnh, ở các vùng nông thôn... sẽ tạo thời cơ cho việc



chuyển dịch này.

Đối với những hộ thiếu năng lực sản xuất cần tham gia vào mô hình trang trại hợp tác như: Người nghèo thì góp đất và lao động; người có vốn muốn đầu tư vào nông nghiệp thì tham gia vốn, thuê mướn chuyên gia kỹ thuật, lợi nhuận chia theo giá trị vốn đóng góp. Mô hình này vừa khai thác được lợi thế về quy mô mà nông dân nghèo cũng không mất đất, việc làm ổn định và xã hội hóa được huy động các nguồn lực vào đầu tư cho nông nghiệp.

3. Gợi ý về chính sách

Để KTTT có thể trở thành “lực lượng đột phá” thúc đẩy phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, chính sách nên cần tập trung vào các mặt chủ yếu sau:

(1) Cần có sự nhất quán cao về nhận thức vai trò của KTTT.

Phát triển KTTT là tất yếu khách quan của quá trình phát triển theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa - bền vững nông nghiệp nông thôn. Trong giai đoạn đầu của phát triển, đòi hỏi tích lũy vốn để trang trại có thể mở rộng quy mô sản xuất và ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất nhằm thực hiện tăng trưởng và sẽ xuất hiện tình trạng bất bình đẳng ở vùng nông thôn. Do đó, để đảm bảo tăng trưởng được thực hiện nhưng hạn chế tình trạng bất bình đẳng, vấn đề trọng tâm của chính sách là tập trung vào bảo vệ quyền lợi người lao động ở nông thôn thông qua chính sách ưu tiên phát triển các dự án thu hút nhiều việc làm phi nông nghiệp ở vùng nông thôn, huấn nghệ, đào tạo ngành nghề dịch vụ cho con em nông dân, mức thù lao tối thiểu và bảo hiểm y tế cho người lao động làm thuê, phát triển cơ sở hạ tầng ở nông

thôn nhằm nâng cao mức hưởng thụ văn minh cho người dân nông thôn.

(2) Chính sách thuế ổn định và khuyến khích đối với phát triển trang trại.

Chính sách thuế thu nhập và các loại thuế khác áp dụng vào trang trại cần quan tâm đảm bảo cho chủ trang trại có lợi nhuận thỏa đáng, đặc biệt là khuyến khích chủ trang trại huy động nguồn lợi nhuận và nguồn vốn khác đầu tư vào mở rộng sản xuất. Thực hiện chính sách này nhằm đẩy nhanh quá trình tích lũy vốn cho phát triển KTTT.

(3) Đối với những trang trại có dự án chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng sản xuất sản phẩm chất lượng cao và xuất khẩu có thị trường tiêu thụ, cần được hỗ trợ tín dụng ưu đãi như được ngân sách bù đắp một phần chi phí lãi suất phải trả và được ưu tiên vay trung và dài hạn từ hệ thống định chế tín dụng chính thức.

(4) Cần khuyến khích hình thức liên kết hợp đồng giữa các công ty kinh doanh vật tư, kinh doanh nông sản và các trang trại. Các chính sách thuế và hỗ trợ tín dụng đặc biệt nên áp dụng đối với các công ty kinh doanh vật tư và nông sản có hợp đồng ký kết với chủ trang trại trong liên kết chuyển giao công nghệ mới, cung ứng vật tư và đảm bảo tiêu thụ sản phẩm.

(5) Cần thành lập Quỹ phát triển trang trại quốc gia nhằm tài trợ các trang trại về nguồn vốn, đào tạo - huấn luyện chủ trang trại về kỹ năng quản lý - tổ chức sản xuất, xây dựng thương hiệu và xúc tiến thương mại, chương trình “Mạng hóa - Internet” cho

các trang trại.

(6) Hệ thống khuyến nông quốc gia nên chọn trang trại là “hạt nhân” để chuyển giao công nghệ mới ứng dụng và phổ biến sâu rộng trong nông dân. Hệ thống thông tin mạng quốc gia về thị trường, công nghệ mới trong nông nghiệp và phổ biến kinh nghiệm thành công của các mô hình sản xuất hiệu quả cần được hình thành, tạo điều kiện cho các trang trại nắm bắt thị trường và ứng dụng công nghệ mới. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trung tâm kinh tế học và phát triển (2007), *KTTT ở các tỉnh phía Nam - Một số vấn đề đặt ra*.
2. Đinh Phi Hồ (2008), *Kinh tế học nông nghiệp bền vững*, NXB Phương Đông.
3. Võ Thị Thu Hương (2007), *KTTT tỉnh Bình Dương: Hiệu quả kinh tế và giải pháp*, Luận văn Thạc sỹ, Trường ĐH Kinh Tế TP.HCM.
4. Ban vật giá chính Phủ (2000), *Tư liệu về KTTT*, NXB TP.HCM.
5. Đinh Phi Hồ (2003), *Kinh tế nông nghiệp: lý thuyết và thực tiễn*, NXB Thống Kê, 2003.
6. Đinh Phi Hồ (2005), “KTTT – Góp phần thúc đẩy nền kinh tế quốc dân”, tạp chí *Khoa học và công nghệ Bình Định*, số 5.
6. Đinh Phi Hồ (2005), “KTTT nhìn từ góc độ kinh tế học”, Tạp chí *Phát triển kinh tế*, số tháng 9.
7. Đinh Phi Hồ - Chủ nhiệm đề tài (2007), *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn tỉnh Bình Phước*, Sở Khoa học và Công Nghệ tỉnh Bình Phước.
8. Chính phủ (2002), *Nghị quyết của Chính phủ về kinh tế trang trại số 03/2000/NQ-CP*.